

Số: 37/QĐ-LTT-TTGD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận kết quả rèn luyện toàn khóa
cho sinh viên các lớp khóa 22C3 và khóa 22C7

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-LTT-TTGD ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế công tác sinh viên;

Xét đề nghị của Hội đồng Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện toàn khóa cho 113 sinh viên các lớp khóa 22C3 và khóa 22C7 theo danh sách đính kèm, gồm:

- Xếp loại Tốt: 03 sinh viên.
- Xếp loại Khá: 14 sinh viên.
- Xếp loại Trung bình: 95 sinh viên.
- Xếp loại Yếu: 01 sinh viên.

Điều 2. Kết quả rèn luyện toàn khóa được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng đơn vị có liên quan trực thuộc Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, cổ vấn học tập các lớp và những sinh viên có tên ghi nơi Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, P.TTGD.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Hồng Minh

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA
CHO SINH VIÊN CÁC LỚP KHÓA 22C3 VÀ KHÓA 22C7**

(Kèm theo Quyết định số 37 /QĐ-LTT-TTGD ngày 17 tháng 01 năm 2025
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã HSSV	Họ	Tên	Lớp	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Toàn khóa		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	22001114	Trần Duy	An	22C3-CCK1	61	Trung bình	60	Trung bình	50	Trung bình	55	Trung bình	
2	22003001	Huỳnh Chí	Hào	22C3-CCK1	63	Trung bình	43	Yếu	35	Yếu	42	Yếu	
3	22003038	Nguyễn Hoàng Phú	Hiệp	22C3-CCK1	67	Trung bình	68	Trung bình	56	Trung bình	62	Trung bình	
4	22003632	Lê Nhật	Hoàng	22C3-CCK1	72	Khá	70	Khá	57	Trung bình	64	Trung bình	
5	22003204	Dương Trần Anh	Khoa	22C3-CCK1	64	Trung bình	66	Trung bình	56	Trung bình	61	Trung bình	
6	22003291	Nguyễn Vũ	Luân	22C3-CCK1	73	Khá	69	Trung bình	35	Yếu	53	Trung bình	
7	22003635	Tiền Chí	Lương	22C3-CCK1	72	Khá	70	Khá	62	Trung bình	66	Trung bình	
8	22004641	Lê Phước Hoàng	Minh	22C3-CCK1	70	Khá	71	Khá	62	Trung bình	66	Trung bình	
9	22003598	Đặng Hoài	Nam	22C3-CCK1	60	Trung bình	65	Trung bình	53	Trung bình	58	Trung bình	
10	22001097	Tô Phạm Anh	Pháp	22C3-CCK1	74	Khá	75	Khá	64	Trung bình	69	Trung bình	
11	22002752	Nguyễn Trường	Thịnh	22C3-CCK1	70	Khá	70	Khá	62	Trung bình	66	Trung bình	
12	22003322	Nguyễn Quang	Tiền	22C3-CCK1	79	Khá	77	Khá	61	Trung bình	69	Trung bình	
13	22000495	Trần Quốc	Bảo	22C3-CNÔ1	63	Trung bình	61	Trung bình	64	Trung bình	63	Trung bình	
14	22001888	Trần Hữu	Bình	22C3-CNÔ1	52	Trung bình	53	Trung bình	70	Khá	61	Trung bình	
15	22002131	Nguyễn Tấn	Đạt	22C3-CNÔ1	68	Trung bình	63	Trung bình	70	Khá	67	Trung bình	
16	22001911	Nguyễn Trọng	Hoàng	22C3-CNÔ1	56	Trung bình	55	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
17	22000522	Võ Anh	Hoàng	22C3-CNÔ1	58	Trung bình	51	Trung bình	70	Khá	62	Trung bình	
18	22002240	Nguyễn Thế	Hợp	22C3-CNÔ1	66	Trung bình	61	Trung bình	65	Trung bình	64	Trung bình	
19	22003884	Dương Thái Thịnh	Hung	22C3-CNÔ1	52	Trung bình	51	Trung bình	70	Khá	61	Trung bình	
20	22002646	Trần Quang	Huy	22C3-CNÔ1	54	Trung bình	55	Trung bình	70	Khá	62	Trung bình	
21	22001460	Lê Quốc	Khánh	22C3-CNÔ1	60	Trung bình	63	Trung bình	70	Khá	66	Trung bình	
22	22002659	Phan Hoàng Nhuận	Khánh	22C3-CNÔ1	58	Trung bình	54	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
23	22002792	Nguyễn Hữu	Khoa	22C3-CNÔ1	65	Trung bình	65	Trung bình	70	Khá	68	Trung bình	
24	22000935	Trương Minh	Khôi	22C3-CNÔ1	78	Khá	76	Khá	75	Khá	76	Khá	
25	22002140	Lê Văn	Long	22C3-CNÔ1	56	Trung bình	51	Trung bình	69	Trung bình	61	Trung bình	
26	22003030	Trần Minh	Mẫn	22C3-CNÔ1	62	Trung bình	57	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
27	22002364	Trần Khắc	Nghị	22C3-CNÔ1	55	Trung bình	57	Trung bình	63	Trung bình	60	Trung bình	

STT	Mã HSSV	Họ	Tên	Lớp	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Toàn khóa		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
28	22002101	Phạm Tấn	Nghĩa	22C3-CNÔ1	57	Trung bình	58	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
29	22002788	Trương Anh	Nhật	22C3-CNÔ1	61	Trung bình	60	Trung bình	68	Trung bình	64	Trung bình	
30	22003019	Đoàn Tấn	Phát	22C3-CNÔ1	56	Trung bình	52	Trung bình	70	Khá	62	Trung bình	
31	22002353	Nguyễn Thành	Phát	22C3-CNÔ1	60	Trung bình	53	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
32	22002315	Nguyễn Minh	Quân	22C3-CNÔ1	63	Trung bình	60	Trung bình	70	Khá	66	Trung bình	
33	22002628	Nguyễn Hồ Minh	Quang	22C3-CNÔ1	56	Trung bình	45	Yếu	61	Trung bình	55	Trung bình	
34	22002197	Nguyễn Phú	Thành	22C3-CNÔ1	61	Trung bình	53	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
35	22001795	Nguyễn Minh	Thiện	22C3-CNÔ1	64	Trung bình	60	Trung bình	70	Khá	66	Trung bình	
36	22003029	Võ Thái	Toàn	22C3-CNÔ1	77	Khá	74	Khá	74	Khá	75	Khá	
37	22003013	Trần Văn	Tuấn	22C3-CNÔ1	54	Trung bình	54	Trung bình	70	Khá	62	Trung bình	
38	22001209	Lương Thanh	Tùng	22C3-CNÔ1	61	Trung bình	57	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
39	22003888	Nguyễn Tuấn	Anh	22C3-CNÔ2	58	Trung bình	70	Khá	70	Khá	68	Trung bình	
40	22003810	Lương Đình	Cường	22C3-CNÔ2	55	Trung bình	55	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
41	22002005	Nguyễn Tất	Đạt	22C3-CNÔ2	71	Khá	80	Tốt	70	Khá	74	Khá	
42	22003330	Nguyễn Thanh	Duy	22C3-CNÔ2	55	Trung bình	62	Trung bình	55	Trung bình	57	Trung bình	
43	22004095	Nghiêm Nguyễn Gia Phong	Hào	22C3-CNÔ2	57	Trung bình	54	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
44	22003633	Phạm Hải	Hiệp	22C3-CNÔ2	77	Khá	77	Khá	78	Khá	78	Khá	
45	22003445	Dương Quốc Huy	Hoàng	22C3-CNÔ2	60	Trung bình	56	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
46	22004360	Bùi Thanh	Huy	22C3-CNÔ2	78	Khá	66	Trung bình	76	Khá	73	Khá	
47	22000552	Nguyễn Minh	Khánh	22C3-CNÔ2	58	Trung bình	79	Khá	76	Khá	74	Khá	
48	22002133	Huỳnh Kim	Khuê	22C3-CNÔ2	53	Trung bình	57	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
49	22003308	Lê Quyền Gia	Nghĩa	22C3-CNÔ2	56	Trung bình	57	Trung bình	50	Trung bình	53	Trung bình	
50	22000730	Nguyễn Hữu	Nghĩa	22C3-CNÔ2	56	Trung bình	57	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
51	22003542	Trần Hữu	Nghĩa	22C3-CNÔ2	55	Trung bình	59	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
52	22003648	Đoàn Trung	Nguyên	22C3-CNÔ2	52	Trung bình	51	Trung bình	70	Khá	61	Trung bình	
53	22003358	Trần Huy	Phát	22C3-CNÔ2	55	Trung bình	55	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
54	22003408	Huỳnh Thanh	Phong	22C3-CNÔ2	55	Trung bình	57	Trung bình	60	Trung bình	58	Trung bình	
55	22003083	Hồ Hoàng	Phúc	22C3-CNÔ2	56	Trung bình	59	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
56	22002465	Hồ Nguyễn Gia	Phúc	22C3-CNÔ2	57	Trung bình	59	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
57	22002685	Nguyễn Thành	Phương	22C3-CNÔ2	59	Trung bình	62	Trung bình	70	Khá	66	Trung bình	
58	22003194	Phạm Huỳnh Thanh	Quyển	22C3-CNÔ2	58	Trung bình	72	Khá	70	Khá	69	Trung bình	
59	22004253	Trương Duy	Thịnh	22C3-CNÔ2	54	Trung bình	51	Trung bình	70	Khá	61	Trung bình	
60	22003984	Nguyễn Hải	Tin	22C3-CNÔ2	54	Trung bình	55	Trung bình	70	Khá	62	Trung bình	
61	22003678	Nguyễn Khắc	Vinh	22C3-CNÔ2	54	Trung bình	63	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
62	22002464	Ngô Hoài	Ân	22C3-CNÔ3	56	Trung bình	57	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
63	22002544	Trần Xuân	Bình	22C3-CNÔ3	62	Trung bình	56	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
64	22004257	Đỗ Xuân	Chiến	22C3-CNÔ3	69	Trung bình	78	Khá	76	Khá	76	Khá	

STT	Mã HSSV	Họ	Tên	Lớp	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Toàn khóa		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
65	22003875	Nguyễn Văn	Cường	22C3-CNÔ3	53	Trung bình	54	Trung bình	69	Trung bình	61	Trung bình	
66	22003568	Bùi Nguyễn Thành	Đạt	22C3-CNÔ3	53	Trung bình	58	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
67	22003025	Nguyễn Hồ	Đạt	22C3-CNÔ3	60	Trung bình	66	Trung bình	70	Khá	67	Trung bình	
68	22002178	Nguyễn Chung Anh	Duy	22C3-CNÔ3	57	Trung bình	60	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
69	22003218	Nguyễn Văn	Hoàng	22C3-CNÔ3	54	Trung bình	56	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
70	22002094	Lâm Gia	Huy	22C3-CNÔ3	57	Trung bình	56	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
71	22002779	Võ Minh	Khánh	22C3-CNÔ3	59	Trung bình	56	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
72	22002924	Thái Anh	Khoa	22C3-CNÔ3	56	Trung bình	58	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
73	22001972	Lê Nhựt	Lâm	22C3-CNÔ3	57	Trung bình	56	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
74	22003849	Tạ Trường	Lộc	22C3-CNÔ3	64	Trung bình	56	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
75	22001978	Cao Hoàng	Luân	22C3-CNÔ3	56	Trung bình	62	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
76	22003238	Mai Thành	Nam	22C3-CNÔ3	72	Khá	68	Trung bình	70	Khá	70	Khá	
77	22002900	Phan Trọng	Nhân	22C3-CNÔ3	53	Trung bình	58	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
78	22002076	Trần Hoàng	Phong	22C3-CNÔ3	57	Trung bình	61	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
79	22003658	Lê Văn	Sĩ	22C3-CNÔ3	64	Trung bình	58	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
80	22001506	Phạm Văn	Tâm	22C3-CNÔ3	72	Khá	69	Trung bình	70	Khá	70	Khá	
81	22003861	Đặng Thanh	Tân	22C3-CNÔ3	54	Trung bình	59	Trung bình	69	Trung bình	63	Trung bình	
82	22002821	Nguyễn Đức	Thắng	22C3-CNÔ3	58	Trung bình	52	Trung bình	64	Trung bình	59	Trung bình	
83	22002280	Nguyễn Văn	Thiện	22C3-CNÔ3	54	Trung bình	60	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
84	22000859	Nguyễn Văn	Thịnh	22C3-CNÔ3	62	Trung bình	66	Trung bình	70	Khá	67	Trung bình	
85	22001696	Trần Hữu Vương	Thông	22C3-CNÔ3	58	Trung bình	62	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
86	22002981	Lê Thái	Tiến	22C3-CNÔ3	55	Trung bình	55	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
87	22000590	Nguyễn Trọng	Tín	22C3-CNÔ3	81	Tốt	83	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
88	22003670	Lê Minh	Tính	22C3-CNÔ3	63	Trung bình	67	Trung bình	70	Khá	68	Trung bình	
89	22001726	Lê Văn	Trà	22C3-CNÔ3	72	Khá	71	Khá	76	Khá	74	Khá	
90	22002868	Nguyễn Đình	Trí	22C3-CNÔ3	54	Trung bình	62	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
91	22003185	Nguyễn Chí	Cường	22C7-CCK1	63	Trung bình	61	Trung bình	58	Trung bình	60	Trung bình	
92	22004174	Phạm Quang	Dũng	22C7-CCK1	64	Trung bình	73	Khá	58	Trung bình	64	Trung bình	
93	22002689	Nguyễn Thế	Hùng	22C7-CCK1	73	Khá	65	Trung bình	62	Trung bình	65	Trung bình	
94	22003938	Phạm Anh	Khoa	22C7-CCK1	58	Trung bình	63	Trung bình	57	Trung bình	59	Trung bình	
95	22003745	Lê Thanh	Lượng	22C7-CCK1	60	Trung bình	76	Khá	58	Trung bình	64	Trung bình	
96	22003828	Phạm Công	Thành	22C7-CCK1	63	Trung bình	73	Khá	60	Trung bình	65	Trung bình	
97	22001132	Nguyễn Đức	Thuận	22C7-CCK1	68	Trung bình	100	Xuất sắc	72	Khá	81	Tốt	
98	22004594	Cao Đình	Thuyền	22C7-CCK1	64	Trung bình	78	Khá	67	Trung bình	70	Khá	
99	22002227	Nguyễn Thành	Tín	22C7-CCK1	91	Xuất sắc	100	Xuất sắc	80	Tốt	89	Tốt	
100	21001465	Huỳnh Ngô Quốc	Việt	22C7-CCK1	65	Trung bình	75	Khá	60	Trung bình	66	Trung bình	
101	22003186	Lê Nguyễn Phú	Vinh	22C7-CCK1	66	Trung bình	58	Trung bình	58	Trung bình	59	Trung bình	

STT	Mã HSSV	Họ Tên		Lớp	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Toàn khóa		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
102	22004713	Nguyễn Đình	Vững	22C7-CCK1	65	Trung bình	86	Tốt	60	Trung bình	70	Khá	
103	22003405	Nguyễn Đăng	Vương	22C7-CCK1	78	Khá	82	Tốt	55	Trung bình	68	Trung bình	
104	22001008	Phạm Quốc	Cường	22C7-LTM1	74	Khá	74	Khá	75	Khá	75	Khá	
105	22001872	Phùng Tuấn	Đạt	22C7-LTM1	76	Khá	66	Trung bình	61	Trung bình	65	Trung bình	
106	22004102	Hoàng Tiến	Dũng	22C7-LTM1	69	Trung bình	74	Khá	64	Trung bình	68	Trung bình	
107	22003977	Huỳnh Chí	Dũng	22C7-LTM1	68	Trung bình	62	Trung bình	65	Trung bình	65	Trung bình	
108	22000773	Trương Lương Huy	Hào	22C7-LTM1	81	Tốt	60	Trung bình	45	Yếu	56	Trung bình	
109	22004046	Nguyễn Hữu	Hiển	22C7-LTM1	69	Trung bình	65	Trung bình	65	Trung bình	66	Trung bình	
110	22001523	Phan Nguyễn Nhật	Quỳnh	22C7-LTM1	61	Trung bình	65	Trung bình	45	Yếu	54	Trung bình	
111	22002536	Nguyễn Hoài	Thương	22C7-LTM1	63	Trung bình	55	Trung bình	60	Trung bình	59	Trung bình	
112	22002635	Dương Đại	Tôn	22C7-LTM1	60	Trung bình	64	Trung bình	61	Trung bình	62	Trung bình	
113	22002780	Trần Hoàng	Việt	22C7-LTM1	65	Trung bình	67	Trung bình	75	Khá	71	Khá	

THỐNG KÊ		
Xuất sắc	0	0,00
Tốt	3	2,65
Khá	14	12,39
Trung bình	95	84,07
Yếu	1	0,88
	113	100